

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI -----***----- Bản án: 178/2017/HC-PT Ngày: 22/6/2017	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập- Tự do- Hạnh phúc -----***-----
---	--

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường ;

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Phụng;
Bà Nguyễn Thị Tuyết.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Cao Thắng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hải, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 08/2017/TLPT-HC ngày 06 tháng 01 năm 2017 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính về đất đai*”. Do Bản án hành chính số 12/2016/HCST ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1702/2017/QĐ-PT ngày 06 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Dương Thị Q, sinh năm 1922;

Địa chỉ: thôn X, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Q : Ông Nguyễn Quốc N, sinh năm 1965;

Trú tại: Số nhà Y, phố Đ, phường R, quận M, thành phố Hà Nội; có mặt.

2. Người bị kiện : Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa;

Địa chỉ: Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa;

Địa chỉ: Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa - Ủy quyền cho ông Bùi Sỹ S- Chức vụ: Trưởng Phòng tư pháp Ủy ban nhân dân huyện H; có mặt.

- Bà Trần Thị L, sinh năm 1939; trú tại: thôn X, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

* **Người kháng cáo:** Bà Trần Thị L, sinh năm 1939, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo người khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm bà Dương Thị Q và người đại diện theo ủy quyền của bà trình bày:

Thửa đất số 57, Tờ bản đồ số 18, tại thôn X, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Hiện nay bà đang ở, có nguồn gốc là nhà, đất của ông cha chồng bà để lại, tính đến chồng bà là đời thứ 5. Vợ chồng bà là người được sở hữu, sử dụng nhà đất trên, vợ chồng bà sinh được 6 người con (gồm 4 trai, 2 gái) Nguyễn Quốc D là con trai cả.

Năm 1970, con trai cả Nguyễn Quốc D kết hôn với Bà Trần Thị L và cùng chung sống ở mảnh đất trên với vợ chồng bà trong căn nhà ngói 5 gian.

Năm 1991, chồng bà là ông Nguyễn Quốc L1 chết, không để lại di chúc, bà là chủ quản lý sử dụng nhà đất trên và nuôi các con khôn lớn trưởng thành, vợ chồng D L ở cùng cho đến nay.

Do chồng bà đã chết, bà tuổi đã cao nên đầu năm 2014, gia đình có tổ chức họp bàn về việc xác định quản lý, sử dụng và gìn giữ nhà đất trên, có nguồn gốc của ông cha để lại mục đích là: Để ở và nơi thờ cúng tổ tiên, nơi xum họp con cháu xa gần ngày giỗ tết và truyền đời cho cháu con gìn giữ. Gia đình thống nhất: Không được chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp, chia tách, tặng, cho. Thì con bà là Nguyễn Quốc D mới cho biết nhà đất trên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) đứng tên Nguyễn Quốc D vào năm 2007. Đến lúc này, bà và các con bà nghe tin như sét đánh, bà bị xục đổ, không tin vào sự thật. Thửa đất quyền sở hữu (viết tắt QSH) của mình, vợ chồng D, L ở cùng nay tự ý đứng tên, bà trở thành người ở nhờ.

* Không đồng ý với việc làm của Nguyễn Quốc D, ngày 05/3/2015 bà đã làm thủ tục ủy quyền cho con trai là Nguyễn Quốc N làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) huyện H, yêu cầu thu hồi, hủy bỏ GCNQSD

đất số: AI 067985 cấp ngày 18/5/2007. Sự việc đã được giải quyết, đến ngày 22/10/2015 Chủ tịch UBND huyện H đã ra Quyết định số: 8956/QĐ-UBND thu hồi và hủy bỏ GCNQSDĐ số: AI 067985 do UBND huyện H cấp ngày 18/5/2007 cho hộ Nguyễn Quốc D, tại Thửa số 57, Tờ bản đồ số 18, diện tích 624,7m². Ủy ban nhân dân huyện H đã giải quyết vụ việc trên thấu tình, đạt lý, đúng quy định của pháp luật.

* Không đồng ý với quyết định trên, Nguyễn Quốc D có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh với nội dung nói sai sự thật, nói xấu mẹ và nguyên rửa các em ruột của mình. Chủ tịch UBND tỉnh đã chuyển đơn này đến Chủ tịch UBND huyện H yêu cầu giải quyết. Chủ tịch UBND huyện H đã ban hành Quyết định số: 241/QĐ-UBND ngày 28/01/2016 giải quyết đơn khiếu nại lần đầu của ông D, kết luận: Giữ nguyên Quyết định số: 8629/QĐ-UBND ngày 31/8/2015 của Chủ tịch UBND huyện H. Về việc giải quyết khiếu nại của Ông Nguyễn Quốc N và Quyết định số: 8956/QĐ-UBND ngày 20/10/2015 của UBND huyện H. Về việc thu hồi, hủy bỏ GCN QSDĐ số AI 067 985. Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện H, ông D khiếu nại lần hai đến Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa, Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quyết định số: 1196/QĐ-UBND ngày 06/4/2016: *“V/v giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Quốc D, thôn X xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa”*.

Cụ Q cho rằng, nhà đất trên của vợ chồng cụ là một gia sản vô cùng to lớn mà UBND xã T tự ý lập hồ sơ, làm thủ tục, trình cấp có thẩm quyền cấp GCNQSD đất cho Nguyễn Quốc D, trong khi vợ chồng cụ là chủ sử dụng thửa đất và chủ sở hữu tài sản trên đất này hơn 70 năm qua và chưa hề chuyển quyền cho bất kỳ ai, mà cấp có thẩm quyền đã cấp GCNQSD đất số: AI 067985 ngày 18/5/2007 cho Nguyễn Quốc D là không đúng pháp luật. Việc làm đó của các cơ quan có thẩm quyền là không đúng quy định của pháp luật và Luật đất đai (các thời kỳ), Bộ luật dân sự.

Từ những tình tiết xác minh vụ việc thiếu chính xác, không rõ ràng, minh bạch, làm cho bản chất thực tế của vụ việc bị sai lệch. Dẫn đến việc Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quyết định số: 1196/QĐ-UBND ngày 06/4/ 2016 trái với quy định của pháp luật.

Vì lẽ trên, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xem xét, giải quyết, cụ thể là: Tuyên hủy Quyết định số:1196/QĐ-UBND ngày 06/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

****Ý kiến của người bị kiện, do người đại diện theo ủy quyền trình bày bằng văn bản số 10098/UBND-TD ngày 06/9/2016 và tại phiên đối thoại ngày 28/9/2016:*** Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Khu đất vợ chồng ông D sử dụng và có đơn khiếu nại là đất ở của cha ông để lại, ông D là con trai cả trong 6 người con của ông L1 và bà Q. Năm 1970 bà L lấy ông D và sống cùng với gia đình chồng trên khu đất này. Khi 5 người em của ông D lớn lên đi thoát ly, lập gia đình và sinh sống tại nơi khác, ông L1 và bà Q vẫn sống cùng với vợ chồng ông D, đến năm 1991 ông L1 chết, khoảng năm 2012 bà Q theo các con ra Hà Nội hiện đang sống cùng vợ chồng ông N. Theo hồ sơ địa chính xã T qua các thời kỳ, thửa đất đang khiếu nại được thể hiện trên bản đồ 299 lập năm 1985, Tờ bản đồ số 02, thửa số 319, diện tích 491m² sổ mục kê ruộng đất (lập ngày 12/10/1985) ghi chủ sử dụng là Nguyễn Quốc D và trên bản đồ địa chính lập năm 2006, Tờ bản đồ số 18, thửa số 57, diện tích 627,4 m², sổ mục kê đất đai ghi chủ sử dụng là Nguyễn Quốc D. Việc sử dụng đất của ông D từ khi lập gia đình đến năm 2014 ổn định, liên tục, không lấn chiếm, không tranh chấp, không thắc mắc khiếu kiện. Đến đầu năm 2015, do mâu thuẫn nội bộ gia đình dẫn đến phát sinh tranh chấp quyền sử dụng đất.

- Về cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Nguyễn Quốc D: Sau khi hoàn thành việc đo đạc địa chính năm 2006, UBND xã T tổ chức triển khai công tác cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình, cá nhân, thông báo rộng rãi trên hệ thống truyền thanh và trong khoảng thời gian công khai, niêm yết danh sách cấp GCNQSDĐ đất (trong đó có hộ ông Nguyễn Quốc D) không có thắc mắc, khiếu kiện liên quan đến khu đất hộ ông D đang sử dụng.

Hộ ông D sử dụng đất liên tục, ổn định từ trước ngày 15/10/1993, có tên trong hồ sơ đo đạc theo Chỉ thị số 299/TTg, được UBND xã T xác nhận là đất không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch, thuộc trường hợp đủ điều kiện được cấp GCNQSDĐ theo quy định tại Điều 49, Điều 50 Luật đất đai năm 2003. UBND huyện H căn cứ hồ sơ địa chính qua các thời kỳ, xác nhận của UBND xã T và trên cơ sở các quy định của pháp luật đất đai, quyết định cấp GCNQSDĐ số: AI 067985 cho ông D.

Như vậy: Hộ ông Nguyễn Quốc D được Nhà nước công nhận QSD đất tại hồ sơ đo đạc theo Chỉ thị 299/TTg thuộc trường hợp đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ và được UBND huyện H cấp GCNQSDĐ là đúng quy định của pháp luật.

Việc UBND huyện H ban hành Quyết định số: 8956/QĐ-UBND ngày 22/10/2015 về việc thu hồi và hủy bỏ GCNQSDĐ đã cấp cho ông Nguyễn Quốc D theo quyết định giải quyết khiếu nại của Ông Nguyễn Quốc N với lý do ông Nguyễn Quốc D không có giấy tờ tặng cho QSD đất của bố mẹ là ông L1 và bà Q là không đúng quy định.

Qua xác minh, ông Nguyễn Quốc N và bà Dương Thị Q không có giấy tờ chứng minh về quyền hợp pháp về khu đất này. Do đó, ông L1 và bà Q không có quyền tặng cho quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 1 Điều 106 Luật đất đai năm 2003: Người sử dụng đất được thực hiện các quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế tặng cho quyền sử dụng đất; thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 2 Điều 10; khoản 2 và khoản 3 Điều 112; các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7, và 8 Điều 113; khoản 2 Điều 115; điểm b khoản 1, các điểm b, c, d, đ và e khoản 3 Điều 119; điểm b khoản 1, điểm b và điểm c khoản 2 Điều 120 của luật này khi có các điều kiện sau đây: Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đất không có tranh chấp; quyền sử dụng đất không bị kê biên để bảo đảm thi hành án; trong thời hạn sử dụng đất.

Nhà nước đã cấp quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Quốc D là đúng quy định tại khoản 4 Điều 5 Luật Đất đai năm 2003: *“Nhà nước trao quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất thông qua hình thức giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất đối với người đang sử dụng đất ổn định; quy định quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất”*. Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số: 1196/QĐ-UBND ngày 06/4/2016 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Quốc D ở thôn X, xã T, huyện H là đúng quy định của pháp luật.

*** Ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Bà Trần Thị L **tự khai ngày 12/7/2016 và tại phiên đối thoại ngày 28/9/2016 trình bày:** Về nguồn gốc thửa đất số 57, Tờ bản đồ số 18, diện tích 627,4m², tại thôn X, xã T đã được cấp GCN QSDĐ cho ông Nguyễn Quốc D vào năm 2007 có nguồn gốc từ 02 mảnh đất gộp lại, gồm:

- Mảnh đất thứ nhất có nhà ngói 5 gian là do tổ tiên, ông bà truyền lại đã được khoảng 200 năm, qua 5 đời sử dụng đến đời ông Nguyễn Quốc D là đời thứ 6 (có xác nhận của ông Nguyễn Quốc G).

Năm 1984, Đoàn đo đạc lập hồ sơ 299 đến nhà hỏi bố mẹ chồng bà và mọi người trong gia đình ghi tên ai vào hồ sơ thì bố chồng bà nói là: ghi tên chồng bà (bố nói còn mẹ chồng ngồi trước tất cả mọi người trong gia đình). Mọi người trong gia đình không thắc mắc gì, kể cả mẹ chồng là bà Dương Thị Q, vì cho rằng việc này là phù hợp với truyền thống từ nhiều đời trong gia đình, dòng tộc là cha truyền cho con trai cả, ông truyền cho cháu đích tôn. Sau đó Đoàn đo đạc đã đưa giấy tờ cho chồng bà là ông Nguyễn Quốc D ký xác nhận và ghi tên ông Nguyễn Quốc D vào hồ sơ địa chính 299, mảnh đất này có diện tích 491m² (có bản photo gửi kèm theo).

- Mảnh đất thứ 2: Có diện tích 136m² có nguồn gốc là diện tích điểm canh làng bị xấp đổ, bỏ hoang và hàng rào dứa dại. Năm 1990, vợ chồng tôi làm đơn xin và đã được UBND xã T cấp miếng đất này để cải tạo, sử dụng (có xác nhận của ông Nguyễn Công B là Chủ tịch UBND xã thời kỳ 1987-1993).

Năm 2006, UBND xã thực hiện quy trình, trình tự cấp quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình trong xã, thông báo công khai đến tất cả các thôn (đây là đợt cấp GCNQCSDD lần đầu cho tất cả các hộ trong xã nên là mối quan tâm lớn của dư luận, của mọi người trong xã). Sau khi thực hiện xong các khâu, thủ tục trình tự theo quy định và không có khiếu kiện, UBND xã T đã lập hồ sơ đề nghị UBND huyện H cấp GCNQSDĐ. Đến năm 2007, hộ ông Nguyễn Quốc D được UBND huyện H cấp GCNQSDĐ số: AI 067985, ngày 18/5/2007 thửa đất số 57, Tờ bản đồ số 18, diện tích 627,4m², tại thôn X, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Với nguồn gốc như nêu trên, thì việc UBND xã T lập hồ sơ đề nghị và UBND huyện H cấp GCNQSDĐ đất cho ông Nguyễn Quốc D là đúng quy định của pháp luật, đúng với truyền thống ngàn đời của gia đình, dòng họ nông thôn Việt Nam.

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa và các cấp có thẩm quyền giữ nguyên GCNQSDĐ của ông Nguyễn Quốc D.

+ Ý kiến của UBND huyện H và Chủ tịch UBND huyện H do người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Tháng 6/2015, bà Dương Thị Q ủy quyền cho con trai là Nguyễn Quốc N có đơn khiếu nại

đến Chủ tịch UBND huyện H, về việc: ông Nguyễn Quốc L1 và bà Dương Thị Q có thửa đất tại thôn X, xã T do cha ông để lại, năm 1991 ông L1 chết không để lại di chúc và bà Q cũng chưa có văn bản chuyển quyền sử dụng đất cho ai, nhưng đến nay gia đình mới được biết là thửa đất trên đã được cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Quốc D là không đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ nội dung đơn của công dân nêu; Luật khiếu nại năm 2011 và các văn bản hướng dẫn thi hành, Chủ tịch UBND huyện H đã quyết định thành lập Đoàn xác minh. Qua kết quả xác minh của Đoàn xác minh thì UBND xã T, những người có liên quan và hộ ông Nguyễn Quốc D đều khẳng định: Thửa đất mà hiện nay hộ ông Nguyễn Quốc D đang sử dụng (theo hồ sơ địa chính xã T năm 2006 là thửa số 57, Tờ bản đồ số 18, diện tích 627,4m²) có nguồn gốc là đất do cha ông để lại cho ông Nguyễn Quốc L1 và bà Dương Thị Q từ trước năm 1980; do ông D là con trai cả, nên sau khi lập gia đình thì vợ chồng ông D ở cùng với ông L1, bà Q tại thửa đất trên; năm 1984 khi đo đạc địa chính 299 thì ông D lại là người đứng tên trong hồ sơ địa chính; năm 1991 ông L1 chết không để lại di chúc và bà Q sống cùng vợ chồng ông D từ đó đến nay. Việc UBND huyện H cấp GCNQSDĐ cho hộ ông D năm 2007 là chỉ căn cứ theo hồ sơ 299 và hồ sơ địa chính 2006 mà không có văn bản giấy tờ nào của ông L1 và bà Q.

Từ kết quả xác minh trên, đối chiếu với quy định của Luật đất đai qua các thời kỳ, ngày 31/8/2015 Chủ tịch UBND huyện H đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số: 8629/QĐ-UBND trong đó đã kết luận và quyết định: Nội dung khiếu nại của Ông Nguyễn Quốc N (được bà Q ủy quyền) là có cơ sở vì: Năm 1984 khi lập Hồ sơ địa chính 299, xã T đã để ông Nguyễn Quốc D đứng tên thửa đất của ông L1 và bà Q trong khi ông L1, bà Q đang còn sống, không có văn bản giấy tờ gì tặng cho hay chuyển quyền sử dụng đất cho ông D là không đúng quy định, dẫn đến việc lập hồ sơ địa chính năm 2006 và cấp GCNQSDĐ năm 2007 cho ông D cũng không đúng quy định. Từ đó Chủ tịch UBND huyện H đã giao cho Phòng TN&MT tham mưu cho UBND huyện ban hành Quyết định số: 8956/QĐ-UBND “*V/v thu hồi, hủy bỏ GCNQSDĐ đã cấp cho ông D*” là đúng pháp luật.

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xem xét, giữ nguyên các kết luận và các quyết định hành chính của UBND huyện H đối với vụ việc trên vì: Các quyết định được ban hành đúng thẩm quyền, phù hợp với các quy định của pháp luật; thực tế, diễn biến của vụ việc và thấu tình đạt lý.

Tại Bản án hành chính số 12/2016/HCST ngày 08 tháng 11 năm 2016, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa quyết định:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015. Điều 42 của Luật khiếu nại năm 2011. Điều 204 của Luật đất đai năm 2013.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện và tuyên hủy toàn bộ Quyết định số: 1196/QĐ-UBND ngày 06/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa: “*Giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Quốc D, thôn X, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa*”. Vì được ban hành trái pháp luật.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/11/2016, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm Bà Trần Thị L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, cho rằng: Nguồn gốc thửa đất số 57, Tờ bản đồ số 18 có diện tích 627 m² có nguồn gốc một phần là do tổ tiên để lại nhưng không có văn bản tặng cho, phần còn lại có nguồn gốc là diện tích điểm canh làng bị xấp đổ, bỏ hoang và hàng rào dứa dại. Năm 1990, vợ chồng ông bà làm đơn và đã được UBND xã T giao cho cải tạo và sử dụng (Có xác nhận của ông Nguyễn Công B là Chủ tịch ủy ban nhân dân thời kỳ đó). Năm 2006, UBND xã đã thực hiện thủ tục ban đầu để cấp có thẩm quyền xem xét cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình bà. Đến năm 2007, hộ ông Nguyễn Quốc D đã được UBND huyện H đã cấp GCNQSDĐ số: AI 067985, ngày 18/5/2007 thửa đất số 57, tờ bản đồ số 18, diện tích 627,4m², tại thôn X, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định số: 1196/QĐ-UBND ngày 06/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

Ông Nguyễn Quốc N là người đại diện theo ủy quyền của bà Dương Thị Q trình bày :Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Bà Trần Thị L, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội thụ lý vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký tòa án và người tham gia tố tụng đã tuân theo quy định pháp luật tố tụng hành chính. Về nội dung, yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có cơ sở pháp luật, UBND huyện H và Chủ tịch UBND huyện H đã ban hành các quyết định giải quyết khiếu nại của bà Dương Thị Q là đúng pháp luật. Kháng cáo

của Bà Trần Thị L là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Bà Trần Thị L, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ý kiến của Kiểm sát viên, các đương sự ý kiến người tham gia tố tụng khác, thấy:

[1] Xét nguồn gốc thửa đất, các đương sự gồm: Người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng, chính quyền địa phương xã T là nơi có địa chỉ của thửa đất, đều công nhận thửa đất mà hộ ông Nguyễn Quốc D đứng tên trong GCNQSDĐ trước đây là của gia đình cụ Nguyễn Quốc L1 có quyền sử dụng hợp pháp thửa đất thể hiện trên bản đồ 299, lập năm 1985, thửa đất số 319, Tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính xã T, diện tích 491m², sổ mục kê ruộng đất (lập ngày 12/10/1985); tương ứng thửa đất số 57, diện tích 627,4m², Tờ bản đồ số 18, đo vẽ năm 2006 tại thôn X, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, có nhà ở, công trình, cây lưu niên, tài sản khác gắn liền với thửa đất từ trước năm 1970.

[2] Bà Trần Thị L cho rằng, diện tích 627,4m² đất ghi trong GCNQSDĐ có một phần diện tích 136m² có nguồn gốc là diện tích điểm canh làng bị xấp đổ, bỏ hoang và hàng rào dứa dại. Năm 1990, vợ chồng bà làm đơn xin và đã được UBND xã T cấp diện tích đất này để cải tạo, sử dụng (có xác nhận của ông Nguyễn Công B là Chủ tịch UBND xã thời kỳ 1987-1993) và một phần còn lại có nguồn gốc từ các cụ để lại nhưng bà L cũng không xuất trình được tờ đơn xin cấp đất đã được UBND xã T phê duyệt cấp đất. Không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh việc chuyển quyền sử dụng đất hợp pháp từ hộ cụ Nguyễn Quốc L1 (khi còn sống), cụ Dương Thị Q cho đến nay sang cho con là hộ ông Nguyễn Quốc D và bà L.

[3] UBND huyện H căn cứ theo hồ sơ 299 nêu trên cấp GCNQSDĐ cho hộ ông D năm 2007 là trái với Điều 50 của Luật đất đai năm 2003. Khi cụ Dương Thị Q biết thửa đất đã được cấp GCNQSDĐ cho ông D và đã khiếu nại đến cấp có thẩm quyền. UBND huyện H ban hành Quyết định số: 8956/QĐ-UBND ngày 22/10/2015: “V/v thu hồi, hủy bỏ GCNQSD đất đã cấp cho ông D” là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Không đồng ý với Quyết định số: 8956/QĐ-UBND ngày 22/10/2015 của UBND huyện H, ông D khiếu nại. Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định

số: 241/QĐ-UBND ngày 28/01/2016, với nội dung: Giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại số 8629/QĐ-UBND ngày 31/8/2015 nêu trên là đúng pháp luật.

Không đồng ý, ông Nguyễn Quốc D khiếu nại lên Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa. Ngày 06/4/2016, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1196/QĐ-UBND: “*Giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Quốc D, thôn X, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa*”, tại Điều 1 có nội dung: “*Giữ nguyên giá trị pháp lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 067985 ngày 18/5/2007 do UBND huyện H cấp cho hộ ông Nguyễn Quốc D tại thửa số 57, Tờ số 18 bản đồ địa chính xã T năm 2006*” là không đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện và tuyên hủy toàn bộ Quyết định số: 1196/QĐ-UBND ngày 06/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa: “*Giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Quốc D, thôn X, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa*” là đúng pháp luật.

[4] Về án phí: do kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Trần Thị L không được chấp nhận nên bà L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên, căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Không nhận kháng cáo của Bà Trần Thị L, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 12/2016/HCST ngày 08/11/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

[2] Về án phí: Bà Trần Thị L phải chịu 200.000 đồng án phí Hành chính phúc thẩm.

[3] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Phượng Nguyễn Thị Tuyết

Nguyễn Văn Cường

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THA dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- UBND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Cường